

Bản án số: 18/2024/HSST
Ngày: 05/02/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phương Văn Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tự Trị.
2. Bà Ngô Thị Út Hậu.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc – Kiểm sát viên.

Trong ngày, ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2024/TLST-HS ngày 19/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HS ngày 25/01/2024 với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Minh N**, sinh ngày 24/9/2006.

Giới tính: Nam; Nơi sinh: Cần Thơ.

Nơi cư trú: số 02/11A đường BHN, phường BT, quận BT, thành phố Cần Thơ.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Họ và tên cha: Bùi Chí Th, sinh năm 1982 (sống); Họ và tên mẹ: Trần Thị L, sinh năm 1980 (sống); Anh, chị, em ruột: là con duy nhất trong gia đình; Vợ, Con: không.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt tại tòa)

Người giám hộ cho bị cáo ông Bùi Chí Th, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: số 02/11A đường BHN, phường BT, quận BT, thành phố Cần Thơ.

Bào chữa cho bị cáo: Ông Lưu Ngọc S – Trợ giúp viên pháp lý thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người bị hại:

Ông **Lê Quang T**, sinh ngày 16/8/2007 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực Bình Hoà A, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Người giám hộ cho bị hại bà **Nguyễn Trần Kiều Q**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực Bình Hoà A, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Quang N, Lê Quang T, Lê Hoàng Ph, Trần Xuân Kh, Lê Thành Đ, Bùi Thanh Tg và Dương Thị Tú Nh là bạn bè chơi chung với nhau. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 10/10/2023, cả nhóm rủ nhau đến nhà Lê Quang T để ra ruộng bắt cá. Khi đến nhà T thì Kh, N đưa điện thoại cho T cất giữ, T để 02 điện thoại này cùng với điện thoại Iphone 12 promax của T lên kệ chén ở nhà bếp rồi cả nhóm đi ra ruộng bắt cá. Bắt được một lúc thì Kh và N đi vào nhà trước, nhóm còn lại vẫn ở ngoài. Khi vào nhà, N thấy điện thoại của T nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. N lấy điện thoại của mình và của T bỏ vào túi quần rồi đem cất giấu vào bụi cây gần đó. Khi T vào nhà phát hiện điện thoại của mình bị mất nên T và N đến công an phường trình báo.

Qua quá trình làm việc Bùi Minh N thừa nhận lấy trộm tài sản và cùng Cơ quan Công an đến nơi cất giấu để thu hồi tang vật.

Tại bản kết luận giám định số 128/KL-HĐĐGTS ngày 25/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ kết luận: Giá trị tài sản của một chiếc điện thoại Iphone 12 promax, màu trắng, dung lượng 128GB có giá trị còn lại là 10.067.000 đồng.

Bùi Minh N thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình và phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được.

Về dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản và làm đơn xin miễn trách Nhiệm hình sự cho Bùi Minh N.

Tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKSOM ngày 17 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn đã truy tố Bùi Minh N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Bùi Minh N thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Đồng thời, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội làm lại người tốt.

Bị hại và người giám hộ cho bị hại xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: thống nhất tội danh và điều luật truy tố của Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên xử cho bị cáo được hưởng án treo,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn trình bày lời luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đồng thời, phân tích những tình tiết tăng nặng trách Nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 91 Bộ luật hình sự. Tuyên xử bị cáo Bùi Minh N mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian tử thách từ 18 đến 24 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng hình sự*: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] *Về căn cứ buộc tội*: Tại phiên Tòa hôm nay lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người làm chứng, người bị hại và vật chứng thu giữ được.

Kết luận định giá tài sản số 128/KL – HĐĐGTS ngày 25/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Ô Môn kết luận: Giá trị tài sản của một chiếc điện thoại Iphone 12 pro, màu trắng, dung lượng 128GB có giá trị còn lại là 10.067.000 đồng. Do đó, bị cáo phải chịu trách Nhiệm về hình sự theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về tính chất hành vi phạm tội*: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đối với tài sản của người khác đều phải bị xử lý nghiêm minh. Động cơ phạm tội của bị cáo là tham lam, mong muốn chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Đây là lỗi cố ý trong ý thức phạm tội. Hành vi trên của bị cáo làm ảnh hưởng an ninh trật tự an toàn trong xã hội. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn truy tố bị cáo về tội danh, điều luật nêu trong cáo trạng là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] *Về năng lực chịu trách Nhiệm hình sự*: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách Nhiệm hình sự do hành vi của bản thân gây ra. Bị cáo biết hành vi xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, điều đó thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, việc điều tra truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết, nhằm mục đích giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ*:

[5.1] *Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5.2] *Tình tiết giảm nhẹ*: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo tỏ thái độ ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bị cáo cũng có nộp tiền khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại cũng có đơn xin miễn trách Nhiệm hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét đến tình tiết này để giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

Để có tác dụng cải tạo giáo dục, đồng thời phòng ngừa chung trong xã hội thiết nghĩ cần phải xử lý nghiêm minh. Có như vậy mới giúp bị cáo tâm đắc sửa đổi bản thân, biết sống đặt mình trong khuôn khổ pháp luật. Tuy Nhên, nhân thân của các bị cáo tốt chưa có tiền án tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử thiết nghĩ không cần cách ly bị cáo mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ răn đe đối với bị cáo như Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn đề nghị là phù hợp.

[6] *Về xử lý vật chứng*: bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Minh N** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Điều 155; 268; 269 Bộ luật tố tụng hình sự,

Khoản 1 Điều 173; điểm i, s, h khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Bùi Minh N** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Bùi Minh N** cho UBND phường BT, quận BT, thành phố Cần Thơ quản lý giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo **Bùi Minh N** phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Công an Q. Ô Môn;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phường Văn Chính